

Số: 1586 /QĐ - NHNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Nhà nước

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Nhà nước.
2. Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Văn phòng Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cập nhật, công bố các thủ tục hành chính mới phát sinh, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thực hiện/(không thực hiện) tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Thông tin & Truyền thông;
- Bộ Nội vụ (Vụ Cải cách hành chính);
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
- Lưu: VP, VP4, VP5.

KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú



DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP
NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 1586/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

A. DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Mã TTHC |
|------------|--|-----------------|
| I. | THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG | |
| I.1 | Lĩnh vực hoạt động tiền tệ (TW) | |
| 1. | Thủ tục chấp thuận cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay bằng ngoại tệ đối với từng trường hợp cụ thể | B-NHA-285007-TT |
| 2. | Thủ tục thông báo hạn mức chiết khấu giấy tờ có giá của NHNN đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | B-NHA-196286-TT |
| 3. | Thủ tục đề nghị vay tái cấp vốn theo Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra | B-NHA-266200_TT |
| 4. | Thủ tục chấp thuận đề nghị phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | B-NHA-254763-TT |
| 5. | Thủ tục chấp thuận gia hạn khoản vay cầm cố giấy tờ có giá tại tổ chức tín dụng | B-NHA-183817-TT |
| 6. | Thủ tục chấp thuận thay đổi giấy tờ có giá đang cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước | B-NHA-183525-TT |
| 7. | Thủ tục vay tái cấp vốn theo hình thức có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng | B-NHA-183522-TT |
| 8. | Thủ tục công nhận thành viên nghiệp vụ thị trường mở | B-NHA-285017-TT |
| 9. | Thủ tục chấm dứt tư cách thành viên nghiệp vụ thị trường mở | B-NHA-285016-TT |
| 10. | Thủ tục chấp thuận cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay bằng ngoại tệ đối với từng trường hợp cụ thể | B-NHA-252217-TT |
| I.2 | Lĩnh vực hoạt động ngoại hối (TW) | |
| 11. | Thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế | B-NHA-254786-TT |
| 12. | Thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế | B-NHA-254789-TT |
| 13. | Thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | B-NHA-254799-TT |
| 14. | Thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế/tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | B-NHA-254802-TT |
| 15. | Thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước | B-NHA-265782-TT |
| 16. | Thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế | B-NHA-265792-TT |
| 17. | Thủ tục chấp thuận cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế | B-NHA-265800-TT |
| 18. | Thủ tục chấp thuận cho phép tiếp tục thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế | B-NHA-265808-TT |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Mã TTHC |
|-----|--|-----------------|
| 19. | Thủ tục chuyển đổi hoạt động ngoại hối | B-NHA-265814-TT |
| 20. | Thủ tục Đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng | B-NHA-196972-TT |
| 21. | Thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng | B-NHA-196962-TT |
| 22. | Thủ tục đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch hối đoái với NHNN của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | B-NHA-196284-TT |
| 23. | Thủ tục đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng | B-NHA-254770-TT |
| 24. | Thủ tục cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với người cư trú là tổ chức kinh tế có chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài hoặc có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận vốn vay nước ngoài, để thực hiện cam kết, hợp đồng với bên nước ngoài | B-NHA-183642-TT |
| 25. | Thủ tục cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (đối với người cư trú là cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, Quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam) | B-NHA-001797-TT |
| 26. | Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của TCTD được phép. | B-NHA-284997-TT |
| 27. | Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động của văn phòng đại diện ở nước ngoài của TCTD được phép | B-NHA-284998-TT |
| 28. | Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế | B-NHA-284999-TT |
| 29. | Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế | B-NHA-285000-TT |
| 30. | Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ việc thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay nước ngoài | B-NHA-285001-TT |
| 31. | Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ, doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để phục vụ việc thực hiện cam kết với bên nước ngoài | B-NHA-285002-TT |
| 32. | Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ việc thực hiện cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài (không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài) | B-NHA-285003-TT |
| 33. | Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận viện trợ, tài trợ nước ngoài hoặc các trường hợp khác được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép của các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị, xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của VN hoạt động tại VN | B-NHA-285004-TT |
| 34. | Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp | B-NHA-285005-TT |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Mã TTHC |
|-----|--|-----------------|
| | phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của TCTD được phép, tổ chức kinh tế | |
| 35. | Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của TCTD được phép, tổ chức kinh tế | B-NHA-285019-TT |
| 36. | Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay nước ngoài | B-NHA-285020-TT |
| 37. | Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để thực hiện cam kết với bên nước ngoài | B-NHA-285021-TT |
| 38. | Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài (không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài) | B-NHA-285022-TT |
| 39. | Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận viện trợ, tài trợ của nước ngoài hoặc các trường hợp khác được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép của các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của VN hoạt động tại VN. | B-NHA-285023-TT |
| 40. | Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài | B-NHA-285024-TT |
| 41. | Thủ tục đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là Tổ chức tín dụng | B-NHA-254774-TT |
| 42. | Thủ tục đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Nhà đầu tư thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí | B-NHA-254783-TT |
| 43. | Thủ tục xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế đối với doanh nghiệp không phải là ngân hàng thương mại Nhà nước | B-NHA-243716-TT |
| 44. | Thủ tục xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế đối với ngân hàng thương mại Nhà nước | B-NHA-243736-TT |
| 45. | Thủ tục thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại Nhà nước | B-NHA-243740-TT |
| 46. | Thủ tục đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | B-NHA-243746-TT |
| 47. | Thủ tục đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | B-NHA-243753-TT |
| 48. | Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh | B-NHA-245928-TT |
| 49. | Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh | B-NHA-245984-TT |
| 50. | Thủ tục thiết lập/thiết lập lại quan hệ giao dịch mua, bán vàng miếng với NHNN | B-NHA-231118-TT |
| 51. | Thủ tục thông báo thay đổi người đại diện giao dịch mua, bán vàng | B-NHA-231123-TT |